

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ)
MÃ NGÀNH: 8340101

*Ban hành kèm theo Quyết định số 1445/QĐ-NTT, ngày 01 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành*

I. THÔNG TIN CƠ BẢN/TUYỂN SINH

1. Tên chương trình đào tạo

Tên tiếng Anh: The Degree of Master of Business and Administration

Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

2. Mã ngành: 8340101

3. Bậc trình độ trong khung trình độ quốc gia: Thạc sĩ – Bậc 7

4. Định hướng đào tạo: ☐ Nghiên cứu ☒ Ứng dụng

5. Niên khóa học bắt đầu áp dụng: Từ khóa 2022-

6. Tên trường cấp bằng tốt nghiệp: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

7. Tên khoa quản lý chương trình:

+ Khoa Quản trị kinh doanh

+ Địa chỉ văn phòng: Lầu 1, 331 Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, TPHCM.

+ Điện thoại liên lạc: 19002039, số nội bộ: 429

8. Website của chương trình/khoa

Website tiếng Việt: <https://fba.ntt.edu.vn/>

Website tiếng Anh: <https://fba.ntt.edu.vn/en/>

9. Tên bằng cấp

Thạc sĩ: Quản trị Kinh doanh

10. Vị trí việc làm của học viên tốt nghiệp:

Học viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm:

- Nhà quản lý, điều hành từ cấp trung đến cao cấp tại các tổ chức, doanh nghiệp

- Chuyên viên quản lý chiến lược, kế hoạch, hay quản lý các chức năng kinh doanh, sản xuất, phân phối, marketing, nhân sự, mua sắm, đảm bảo chất lượng... tại các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, tập đoàn đa quốc gia, các tổ chức quốc tế... trong lĩnh vực tư nhân và lĩnh vực công.

- Chuyên gia tư vấn về quản lý kinh tế, chiến lược, kinh doanh, điều hành trực tiếp hoặc hỗ trợ hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp, khu vực công và tư nhân

- Tham gia giảng dạy và làm việc tại các tổ chức nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng trong nước và khu vực.

11. Các năng lực cốt lõi của học viên tốt nghiệp:

- **C1.** Năng lực vận dụng kiến thức chuyên sâu và liên ngành về chiến lược, quản lý và lãnh đạo đối với tổ chức, doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh.

- **C2.** Năng lực quản trị, các hoạt động xây dựng kế hoạch và triển khai để đạt mục tiêu của tổ chức, doanh nghiệp trong các lĩnh vực tổ chức, nhân sự, tài chính, cung ứng, sản xuất, dịch vụ, phân phối, nghiên cứu, đầu tư, thực hiện dự án trong môi trường toàn cầu hóa và luôn thay đổi.

- **C3.** Áp dụng các phương pháp khoa học và công cụ hiện đại để phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản lý, điều hành doanh nghiệp và các tổ chức phi lợi nhuận, các tổ chức công. Năng lực làm việc độc lập, theo nhóm, tư duy phản biện và phân tích tổng hợp các vấn đề.

- **C4.** Năng lực xử lý thông tin, dẫn dắt, truyền đạt, thảo luận, đàm phán, tạo sự tin cậy với cá nhân và tổ chức; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, thượng tôn pháp luật.

- **C5.** Năng lực thích ứng, chịu trách nhiệm, phát triển bản thân và tiếp tục học tập nâng cao.

12. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển kết hợp thi tuyển

13. Phương thức đào tạo

- Số tín chỉ: 60 tín chỉ

- Độ dài chương trình: 02 năm

- Loại hình đào tạo: trực tiếp tại trường

- Các thời điểm tiếp nhận học viên: tháng 6 và 12

14. Ngôn ngữ dạy và học: Tiếng Việt

15. Đảm bảo chất lượng:

- Các bên liên quan của chương trình: giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, các tổ chức hiệp hội lành nghề trong lĩnh vực xây dựng.

- Cơ chế lấy ý kiến phản hồi: khảo sát, thu thập ý kiến các bên liên quan để cải tiến và xây dựng chương trình đào tạo.

- Các mục tiêu chất lượng: mục tiêu đào tạo, nghiên cứu khoa học, tuyển sinh, phục vụ cộng đồng.

- Các chứng chỉ kiểm định đã đạt chuẩn Quốc gia ở cấp trường, cấp chương trình: Đạt kiểm định cấp cơ sở giáo dục theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT.

- Các chứng chỉ kiểm định đã đạt chuẩn quốc tế ở cấp trường, cấp chương trình: Đạt QS – Star 4 sao.

16. Lãnh đạo chương trình và cán bộ hỗ trợ tuyển sinh

- Giám đốc/Trưởng chương trình: TS. Nguyễn Xuân Nhĩ – email: nxnhi@ntt.edu.vn
– SĐT: 0903883314

- Chuyên viên phụ trách tư vấn tuyển sinh: ThS. Nguyễn Thị Bưởi – Email: buoint@ntt.edu.vn – SĐT: 0938232088

II. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

17. Bối cảnh của chương trình:

Chương trình được điều chỉnh dựa trên cơ sở:

- **Khung chương trình đào tạo quốc gia** ban hành kèm theo quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/10/2016.
- **Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT**, ngày 18/3/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế đào tạo trình độ Đại học.
- **TT 17/2021/TT-BGDĐT**, ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục Đại học.
- **TT 23/2021/TT-BGDĐT**, ngày 30/8/2021, của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ.
- **TT 02/2022/TT-BGDĐT**, ngày 18/01/2022 điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ.
- **TT 03/2022/TT-BGDĐT**, ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non.
- **TT 09/2022/TT-BGDĐT**, ngày 06/6/2022, của Bộ GD&ĐT Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.
- **QĐ 859/QĐ-NTT**, ngày 26/7/2021 của Trường ĐH NTT “Quy chế đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Nguyễn Tất Thành”.

- **QĐ 1174/QĐ-NTT**, ngày 30/9/2021 của Trường ĐH NTT “Ban hành quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành”.
- **TB 44/TB-NTT**, ngày 07/3/2022 của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành “Chỉ đạo cải tiến CTĐT trình độ Thạc sĩ năm 2022”.
- **TB 134/TB-NTT**, ngày 05/7/2022 của Trường ĐH NTT “Chỉ đạo của Hiệu trưởng triển khai công tác xây dựng, rà soát, cải tiến chương trình đào tạo đại học khóa 2022”.
- **QĐ 569/QĐ-NTT**, ngày 10/5/2022 của Trường ĐH NTT “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ”.

18. Mục tiêu giáo dục của chương trình (PEOs):

Mục tiêu chung:

Đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh có phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý điều hành tổ chức doanh nghiệp; có năng lực đổi mới, sáng tạo và tinh thần học tập suốt đời. Phát triển kiến thức chuyên sâu và các phương pháp quản lý hiện đại, kỹ năng mềm và năng lực thích ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

Mục tiêu chung cụ thể:

Một vài năm sau khi tốt nghiệp, người tốt nghiệp có thể:

- **PEO1:** Hệ thống được kiến thức và hiểu biết mới nhất về lý thuyết và thực tiễn trong các lĩnh vực tiếp thị, tài chính, nhân sự, điều hành sản xuất, dịch vụ trong tổ chức, doanh nghiệp.
- **PEO2:** Áp dụng được kiến thức, phương pháp khoa học và kỹ năng vào các tình huống kinh doanh một cách linh hoạt, sáng tạo.
- **PEO3:** Phát huy năng lực đổi mới và thích ứng trong kinh doanh, quản lý và nghiên cứu, cùng với các kỹ năng giao tiếp và chuyên môn trong môi trường hội nhập toàn cầu và chuyển đổi số.
- **PEO4:** Phát huy giá trị đa văn hóa, thượng tôn luật pháp Việt Nam và thực hành các luật lệ và quy tắc kinh doanh quốc tế.
- **PEO5:** Định hướng rõ về phát triển nghề nghiệp và tự học suốt đời, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.

19. Đối sánh quốc gia, quốc tế:

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành QTKD của ĐH Kinh tế TP HCM	CTĐT ngành QTKD của Trường Đại học Tài chính - Marketing	CTĐT ngành QTKD của RMIT Việt nam	CTĐT ngành QTKD của London Met Uni	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	60 TC	60 TC	60 TC	72 TC (CR Australia)	60 TC (#180 CR UK)	- So với các trường trong nước, số tín chỉ Đào tạo của trường NTT tương đương.
Cấu trúc chương trình: (Số lượng môn hoặc số tín chỉ)	- 16 môn bắt buộc (35 TC) - 3 môn tự chọn (6 TC) trong 8 môn - Chuyên đề Tốt nghiệp (5TC) - Seminars Xu thế quản trị thương mại xuyên biên giới (4TC) - Đề án (9 TC)	- 08 môn bắt buộc (26 TC) - Tự chọn 20 TC trong 12 môn (28 TC) - Đề án (14 TC)	- 09 môn bắt buộc (29 TC) - Tự chọn 7 môn (21 TC) bao gồm 4 môn (12 TC) trong 8 môn cơ sở ngành và 1 trong 3 nhóm ngành với 3 môn (9 TC) trong 6 môn. - Đề án (10 TC)	- 48 TC bắt buộc (8 môn) - 24 TC tự chọn, gồm: ▪ 4 môn (24 TC) ▪ Thực tập 24 TC	- 140 CR bắt buộc (7 môn) - 40 CR Business Research Project	- Gắn với thực tiễn hơn với phần thực tập và khá tương đồng với hướng U71D của các CTDH nước ngoài.
- Học phần đại cương / Khoa học cơ bản	06 TC - Triết học (3 TC) - PPNCKD (3 TC)	11 TC - Triết học (4 TC) - Anh văn (4 TC) - PPNCKH (3 TC)	15 TC - Triết học (4 TC) - Anh văn (5 TC) - Kinh tế học KD (3 TC) - PPNCKD (3 TC)	0 TC	0 TC	Tỷ trọng học phần đại cương nhỏ, và tỷ trọng học phần CS và cốt lõi ngành lớn
Học phần cơ sở và cốt lõi ngành	36 TC	35 TC	35 TC	48TC	140TC	Khối lượng học phần cơ sở và cốt lõi ngành của trường NTT tương đương với các chương trình đào tạo trong nước.
- Bắt buộc Cơ sở ngành	14 TC 1. QT Chiến lược (2TC) 2. QT Marketing (2TC) 3. QT Nguồn nhân lực (2TC) 4. Tài chính cho nhà QT (2TC) 5. Lãnh đạo- Leadership (3TC) 6. Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp- CSR (3TC)	14 TC 1. QT Chiến lược (3TC) 2. QT điều hành (3TC) 3. Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề (3TC) 4. QT nguồn nhân lực (3TC) 5. Tài chính cho nhà QT (3TC)	14 TC 1. QT nguồn nhân lực nâng cao (3TC) 2. QT marketing toàn cầu (3TC) 3. QT chiến lược nâng cao (3TC) 4. QT tài chính doanh nghiệp nâng cao (3TC) 5. Kế toán QT (2TC)	1. Design Thinking for Business 2. Leadership and Management 3. Management of Technology and Innovation 4. Strategy 5. Marketing for Managers 6. Business Data Analytics 7. Financial Analytics for Managerial Decisions 8. Business Consulting	1. People and Organisations: Principles and Practices in Global Contexts 2. Marketing, Marketing Communications, and Operations 3. Accounting and Finance for Managers 4. Leadership and Strategic Management 5. Innovation Management 6. Developing Effectiveness in Management and Leadership	- Số tín chỉ bắt buộc khối học phần cơ sở và cốt lõi ngành của trường NTT tương đồng với các đơn vị được đối sánh nhưng nhiều học phần hơn, do đó học viên được mở rộng kiến thức hơn.

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành QTKD của ĐH Kinh tế TP HCM	CTĐT ngành QTKD của Trường Đại học Tài chính - Marketing	CTĐT ngành QTKD của RMIT Việt nam	CTĐT ngành QTKD của London Met Uni	Nhận xét
					7. Management Learning and Research	
Bắt buộc Cốt lõi ngành	16 TC 1. KD Số (2TC) 2. Hệ thống thông tin quản lý (2TC) 3. Truyền thông Marketing tích hợp (2TC) 4. Hành vi tổ chức (2TC) 5. QT Vận hành (2TC) 6. Thâm định dự án đầu tư (2TC)* 7. KD Quốc tế (2TC) 8. QT chuỗi cung ứng toàn cầu (2TC)					
Tự chọn cốt lõi ngành	06 TC trong các môn 1. QT các tổ chức công ty (2TC)* 2. Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại (2TC)* 3. Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề (2TC) 4. Sáng tạo và khởi nghiệp (2TC) 5. QT đàm phán (2TC) 6. QT quan hệ khách hàng - CRM (2TC) 7. QT rủi ro và sự thay đổi (2TC) 8. Tiếng Anh Chuyên ngành (2TC)	Tự chọn 20TC trong các môn 1. QT chất lượng (3TC) 2. QT Marketing (3TC) 3. Kế toán QT (3TC) 4. Triển khai chiến lược (3TC) 5. QT rủi ro doanh nghiệp (2TC) 6. QT khởi nghiệp (2TC) 7. Lãnh đạo (2TC) 8. Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (2TC) 9. QT sáng tạo và đổi mới (2TC) 10. Văn hóa tổ chức (2TC) 11. KD điện tử (2TC) 12. QT chuỗi cung ứng (2TC)	12 TC * Tự chọn 1 trong 2 môn 1. Kinh tế lượng nâng cao (3TC) 2. Kinh tế lượng ứng dụng trong QTKD (3TC) * Tự chọn 1 trong 2 môn 1. QTKD dịch vụ (3TC) 2. Marketing dịch vụ (3TC) * Tự chọn 1 trong 2 môn 1. QTKD quốc tế (3TC) 2. QTKD toàn cầu (3TC) * Tự chọn 1 trong 2 môn 1. QT thương hiệu (3TC) 2. QT vận hành (3TC) 9 TC * Chọn 3 trong 6 môn (định hướng QTKD Tổng hợp) 1. QT bán hàng nâng cao (3TC) 2. QT chất lượng nâng cao (3TC) 3. QT sự thay đổi (3TC) 4. QT Logistics và Chuỗi cung ứng (3TC) 5. Nghệ thuật lãnh đạo (3TC)	Chọn trong 2 Khối Khối Sáng tạo và Kinh tế số (24 TC) 1. Digital Innovation 2. Digital Entrepreneurship 3. Technology Futures Digital 4. Risk Management and Information Security Khối điều hành Doanh nghiệp và Số hóa (24 TC) 1. People and Organisations 2. Personal Branding and Authentic Leadership 3. Leading in the Age of Digital Disruption 5. Digital Entrepreneurship	Không tự chọn	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành QTKD của ĐH Kinh tế TP HCM	CTĐT ngành QTKD của Trường Đại học Tài chính - Marketing	CTĐT ngành QTKD của RMIT Việt nam	CTĐT ngành QTKD của London Met Uni	Nhận xét
			6. Hành vi tổ chức (3TC)			
Thực tế và tốt nghiệp	1. Chuyên đề thực tế: ▪ Phân tích Hoạt động doanh nghiệp (bắt buộc, 5TC) ▪ Seminars Xu thế quản trị thương mại xuyên biên giới (4TC) 2. Đề án (9 TC)	Đề án (14 TC)	Đề án (10 TC)	Tự chọn theo 3 cách ▪ Thực tập 12TC + học 12TC ▪ Thực tập 24 TC ▪ Học 24 TC	Business Research Project (40 RC)	So với các chương trình đào tạo khác, chỉ có chương trình đào tạo của trường NTT có nội dung phân tích chẩn đoán hoạt động doanh nghiệp, các seminar về xu thế quản trị thương mại xuyên biên giới và làm đề án. Đây là điểm mạnh giúp chương trình đào tạo gắn liền với định hướng ứng dụng và thực tiễn trong doanh nghiệp.
Phương pháp giảng dạy/học tập	1. Phương pháp giảng dạy chủ động (Active Teaching) hướng tới việc hoạt động hóa, chủ động hóa của người học. 2. Đa dạng phương thức học tập: học trực tuyến, trực tiếp, học qua video, thảo luận trên lớp và tự học, tự nghiên cứu. 3. Ứng dụng các bài giảng tình huống vào môn học. 4. Đa dạng kiểm tra đánh giá phù hợp	1. Áp dụng phân tích tình huống, nghiên cứu các lý thuyết nền tảng và xu hướng nghiên cứu cập nhật trong từng lĩnh vực giúp học viên hình thành và nâng cao năng lực giải quyết vấn đề trong kinh doanh. 2. Tổ chức triển khai nghiên cứu độc lập, và phân tích kết quả nghiên cứu phục vụ cho việc ứng dụng vào thực tiễn hoạt động QT kinh doanh của các tổ chức.	1. Phương pháp thuyết giảng kết hợp với thảo luận, thuyết trình nhóm và thực hiện các bài tập tình huống. 2. Học viên được đánh giá qua điểm quá trình thông qua các hình thức làm bài tập cá nhân, thuyết trình, báo cáo nhóm, thảo luận trên lớp và điểm thi kết thúc học phần.		1. Phương pháp giảng dạy tích cực, flipped classroom, tương tác tối đa 2. Đa dạng phương thức học tập: học trực tuyến, trực tiếp, học qua video, thảo luận trên lớp và tự học, tự nghiên cứu (bắt buộc) 3. Ứng dụng case-study, work-based and practice-based 4. Đa dạng kiểm tra đánh giá phù hợp 5. Hỗ trợ, phản hồi và nhận xét cho từng HV thông qua GV, Cố vấn HT..	Phương pháp dạy học tại NTT giúp học viên chủ động được nhiều hơn.
Học phí	Từ 65 – 75 triệu/khóa	Từ 65 – 70 triệu/khóa	48 triệu/khóa	615.398.000 đồng (27.122 USD)		- Mức học phí của NTT ở mức bình quân so với các cơ sở giáo dục khác ở trong nước và xấp xỉ 30% so với các chương trình đào tạo quốc tế.
Các đối sánh khác	Học trong nước và chuyên đề về hoạt động doanh	Học trong nước (2 năm)	Học trong nước (2 năm)	18 tháng	18 tháng	NTTU định hướng ứng dụng rõ và chuẩn bị cho

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành QTKD của ĐH Kinh tế TP HCM	CTĐT ngành QTKD của Trường Đại học Tài chính - Marketing	CTĐT ngành QTKD của RMIT Việt nam	CTĐT ngành QTKD của London Met Uni	Nhận xét
(nếu có)	ngành và xu thế quản trị mới (2 năm)					lớp tri thức hội nhập, quốc tế hóa

20. Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs):

*** Kiến thức**

- **PLO1 (K1):** Đánh giá môi trường hoạt động và nguồn lực của tổ chức, doanh nghiệp để, để xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển cho tổ chức, doanh nghiệp.

- **PLO2 (K2):** Đề xuất các giải pháp sử dụng nguồn lực, nâng cao giá trị cho tổ chức doanh nghiệp và toàn xã hội.

- **PLO3 (K3):** Kết hợp các phương pháp khoa học để thiết kế các nghiên cứu, đề án, dự án cho tổ chức, doanh nghiệp.

*** Kỹ năng**

- **PLO4 (S1):** Giải quyết kịp thời và hiệu quả các vấn đề về tổ chức, con người, thông tin, truyền thông và các vấn đề phát sinh khác một cách khoa học, sáng tạo.

- **PLO5 (S2):** Phối hợp các phương tiện và công nghệ hiện đại, hệ thống thông tin để đánh giá và quản lý các hoạt động tổ chức, doanh nghiệp.

- **PLO6 (S3):** Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện bằng tiếng Việt và ngoại ngữ trong môi trường đa toàn cầu và văn hóa.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- **PLO7 (A1):** Tôn trọng pháp luật, thể hiện sự hiểu biết đa văn hóa, chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm cá nhân, phát triển bền vững cho tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng.

- **PLO8 (A2):** Định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng, thể hiện tinh thần lãnh đạo, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và học tập suốt đời.

21. Điều kiện tốt nghiệp

- Có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bảo vệ đề án đạt yêu cầu có điểm đạt từ 5,5 trở lên;

- Đã nộp đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên theo đúng thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ, có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng về việc đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá đề án và nhận xét của các phản biện cho Viện Đào tạo Sau đại học để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ;

- Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

22. Cơ hội học tập lên cao, nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn

- Cơ hội học tập lên bậc cao hơn: Chương trình MBA phát triển các lý thuyết cơ bản và chuyên sâu, ngay sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ QTKD, HV có đủ kiến thức, năng lực và phương pháp để tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở bậc tiến sĩ.

- Cơ hội nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn: Sau khi hoàn thành chương trình MBA, học viên được cập nhật các kiến thức chuyên ngành, kỹ năng ứng dụng vào các tình huống thực tiễn, kinh doanh quản lý trong tổ chức doanh nghiệp, ngành. Học viên còn có khả năng áp dụng các phương pháp khoa học để tự nghiên cứu giải quyết các vấn đề thực tiễn, nghiên cứu ứng dụng, tại các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và khu vực.

III. DẠY VÀ HỌC CHƯƠNG TRÌNH:

23. Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường

Tầm nhìn

Đến năm 2035, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trở thành đại học ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu trong và ngoài nước, đáp ứng cách mạng công nghiệp 4.0, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

Sứ mạng

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cung cấp nguồn nhân lực có năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hội nhập, có sức cạnh tranh cao trong thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

Mục tiêu chiến lược

Nhà trường tập trung phát triển 6 nhóm mục tiêu chiến lược sau:

Quản trị:

- Đổi mới quản trị Nhà trường theo hướng tăng cường quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm.
- Phát triển nguồn nhân lực đảm bảo năng lực đáp ứng theo vị trí việc làm, tạo thế cạnh tranh, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.
- Quản trị tài chính hiệu quả và bền vững, phù hợp với tự chủ đại học.
- Hiện đại hóa cơ sở vật chất phù hợp với sự phát triển Nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Quốc tế hóa:

- Tạo môi trường thúc đẩy các hoạt động hội nhập quốc tế tại Trường.
- Đẩy mạnh triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế trong toàn Trường.
- Nâng cao uy tín/hình ảnh Nhà trường trong cộng đồng quốc tế.

Đảm bảo chất lượng:

- Cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tổng thể.
- Nghiên cứu nội bộ nhằm thúc đẩy quá trình ra quyết định về đảm bảo chất lượng dựa trên dữ liệu.
- Kiểm định chất lượng giáo dục đạt chuẩn theo các Bộ tiêu chuẩn trong nước, khu vực.
- Khẳng định vị thế của Nhà trường trong nước, khu vực, quốc tế thông qua hoạt động gắn sao và xếp hạng.

Đào tạo:

- Hoàn thiện chính sách và các văn bản đào tạo đảm bảo tính tự chủ về hoạt động học thuật.
- Phát triển quy mô đào tạo phù hợp với định hướng phát triển Trường.
- Các chương trình đào tạo được thiết kế, triển khai theo hướng phát triển năng lực dựa trên OBE; đáp ứng chuẩn quốc tế.
- Nâng cao chất lượng dạy và học đảm bảo hướng đến đạt chuẩn đầu ra.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo thông qua đánh giá và đối sánh các chỉ số cốt lõi;

Nghiên cứu khoa học:

Phát triển và đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ theo định hướng nghiên cứu ứng dụng để nâng cao chất lượng đào tạo; chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng; đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; xây dựng hệ sinh thái chuyển đổi số, nâng cao vị thế khoa học của Trường trong và ngoài nước.

Người học và phục vụ cộng đồng:

Nuôi dưỡng môi trường học thuật, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học. Nâng cao hiệu quả các chương trình triển khai, lan tỏa những tác động tích cực, thúc đẩy các giá trị hữu ích nhằm góp phần giải quyết một cách thiết thực các vấn đề thực tiễn của xã hội thông qua các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng.

24. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của nhà trường:

“Thực học, Thực hành, Thực danh, Thực nghiệp”

Nhà trường theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, từ đó nêu ra triết lý giáo dục của trường là “Thực học – Thực hành – Thực danh – Thực nghiệp”. Nhà trường tin rằng: “Người học hình thành năng lực thông qua môi trường học thuật được tạo lập và gắn kết với doanh nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phục vụ cộng đồng. Việc trải nghiệm trong môi trường thực tiễn giúp người học khám phá kiến thức, phát triển kỹ năng, định hướng tương lai, hình thành mong muốn đóng góp cho cộng đồng và tạo dựng uy tín cá nhân bằng sự chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp”.

Triết lý giáo dục được giải thích và thống nhất trong toàn bộ Nhà trường, cụ thể như sau:

1. **“Thực học”**: Người học hình thành năng lực thông qua môi trường học thuật được tạo lập và gắn kết với doanh nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phục vụ cộng đồng;

2. **“Thực hành”**: Người học được ứng dụng kiến thức và phát triển kỹ năng thông qua quá trình trải nghiệm thực tiễn trong môi trường doanh nghiệp;

3. **“Thực danh”**: Người học khẳng định bản thân, hình thành nhân cách và đạo đức nghề nghiệp, góp phần nâng cao thương hiệu của Nhà trường;

4. **“Thực nghiệp”**: Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên phát triển nghề nghiệp và thăng tiến.

Triết lý giáo dục của khoa:

Khoa QTKD tuyên bố triết lý giáo dục như sau: “Cách tốt nhất để học kinh doanh là làm kinh doanh” (The best way to learn business is to conduct business). Khoa QTKD hướng đến mục tiêu đào tạo người học có chuyên môn giỏi, kỹ năng tốt, rèn luyện tính tự học, tính chuyên nghiệp được thể hiện trong suy nghĩ và nhận thức theo xu hướng hội nhập quốc tế.

25. Cách tiếp cận dạy và học

Hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Phương pháp giảng dạy và học tập được áp dụng đa dạng nhằm giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Chiến lược giảng dạy và học tập cụ thể:

- **Dạy học trực tiếp**: các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Cách tiếp cận này thường được áp

dụng khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới, thuyết giảng, tham luận và đặt các câu hỏi gợi mở...

- **Dạy học dựa vào hoạt động trải nghiệm:** hoạt động dạy học khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành, khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo cách tiếp cận này được áp dụng gồm: các hoạt động thực tập, thực tế; thảo luận...

- **Dạy kỹ năng tư duy:** Hoạt động dạy kỹ năng tư duy nhằm phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành phản xạ trong cách tiếp cận học tập của người học. Cách tiếp cận này được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo và độc lập cho người học thông qua các phương pháp như: nghiên cứu tình huống, phân tích giải quyết vấn đề...

- **Dạy học tương tác:** người học được tương tác với nhau và chuyển những kỹ năng đó thành những tương tác hiệu quả trong xã hội. Phương pháp tương tác thường được áp dụng như học nhóm, làm bài tập nhóm...

- **Dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy:** Hoạt động dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Người học xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề hoặc báo cáo các kết luận dựa trên các bằng chứng thu thập được.

- **Dạy học dựa vào công nghệ:** kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning), giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của sinh viên trực quan.

- **Hoạt động tự học:** người học tự định hướng, chủ động trong việc học, tự khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề, từ đó người học hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp này, học viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, học viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

26. Đánh giá học viên

Có 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

*** Đánh giá theo tiến trình**

Đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), đánh giá thuyết trình (Oral Presentation) và câu hỏi nhanh (Quiz).

*** Đánh giá tổng kết, định kỳ (giữa kỳ và cuối kỳ)**

Giữa kỳ: Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment), phân tích tình huống (Case study Analysis).

Cuối kỳ: Báo cáo (Written Exam), Thuyết trình (Presentation), Tiểu luận (Essay), phân tích tình huống (Case study Analysis) và Vấn đáp (Oral Exam).

27. Tóm tắt về cấu trúc và nội dung chương trình

CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG và KHCB (6TC)			CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH (6/14TC)				CÁC MÔN CỐT LÕI NGÀNH
1. Triết học (3TC) 2. Phương pháp NC trong KD (3TC)			1. Quản trị Chiến lược (2TC) 2. Quản trị Marketing (2TC) 3. Quản trị Nguồn nhân lực (2TC) 4. Tài chính cho nhà Quản trị (2TC) 5. Lãnh đạo (3TC) 6. Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (3TC)				(BẮT BUỘC 16TC/8 MÔN + TỰ CHỌN 6TC/3 MÔN = 22TC) 1. Kinh doanh Số (2TC) 2. Hệ thống thông tin quản lý (2TC) 3. Truyền thông Marketing tích hợp (2TC) 4. Hành vi tổ chức (2TC) 5. Quản trị Vận hành (2TC) 6. Quản trị rủi ro và sự thay đổi (2TC) 7. Quản trị Kinh doanh Quốc tế (2TC) 8. Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu (2TC)
Hướng ứng dụng	Đại cương và KHCB	Cơ sở Ngành	Cốt lõi ngành	Chuyên đề	Seminar	Đề án	TỰ CHỌN - LIÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG
60TC	6	14	22 (16 + 6)	5	4	9	1. Quản trị các tổ chức công (2TC)* 2. Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại (2TC)* 3. Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề (2TC) 4. Sáng tạo và khởi nghiệp (2TC) 5. Quản trị đàm phán (2TC) 6. Quản trị quan hệ khách hàng - CRM (2TC) 7. Quản trị dự án đầu tư (2TC) 8. Tiếng Anh Chuyên ngành (2TC)
- Học viên chọn 3 trong 8 môn tự chọn. Riêng liên ngành quản lý công, học viên phải chọn 2 môn dấu (*) và 1 môn tự chọn khác. - Cấu trúc các Khối kiến thức, Thực tập, Đề án thực hiện theo Hướng dẫn 44/TB-NTT của NTTU và TT 23/2021/TT-BGDĐT và TT 17/2021/TT-BGDĐT cho định hướng ứng dụng.							Chuyên đề: Phân tích hoạt động của doanh nghiệp (5TC)
							Seminar: Xu hướng quản trị trong bối cảnh thương mại xuyên biên giới (4TC)
							Đề án (9TC)

28. Sự đóng góp của các môn học cho PLOs

TT	Mã môn học	Tên môn học	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra							
			Kiến thức			Kỹ năng			Tự chủ và trách nhiệm	
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
1	073318	Triết học		I		I				I
2	073925	Phương pháp NC trong KD		P	M	P	M		I	I
3	076185	Quản trị chiến lược	M	M		I	I			I
4	076182	Quản trị Marketing	P	M	I	P		P	P	
5	076196	Quản trị Nguồn nhân lực	P	M		M		P	P	I
6	076806	Tài chính cho nhà quản trị	P	P	I	I	I	I	P	
7	076186	Lãnh đạo - Leadership		P		M	I	M	I	P
8	076790	Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	I	I		M		I	P	I
9	076192	Kinh doanh số	P	P		P	M	P	P	I
10	076188	Hệ thống thông tin quản lý	I	P	P	P	M		I	
11	073944	Truyền thông Marketing tích hợp		I	I	P	P	P	I	I
12	076810	Hành vi tổ chức	I	P	P	M		P	M	
13	076183	Quản trị vận hành	I	P		M	I	I	M	
14	076808	Quản trị dự án đầu tư		P	M	I	P		P	
15	076809	Quản trị Kinh doanh quốc tế	P	P		I	I	P	P	
16	076789	Quản trị Chuỗi cung ứng toàn cầu	P	P	I	M	I	P	P	I
17	076250	Quản trị các tổ chức công *	P	P		P		I	P	I
18	076249	Nhà nước và pháp luật VN đương đại	I	I	I	P	I	P	M	I
19	076187	Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề		P		M	I	P	P	P
20	076190	Sáng tạo và khởi nghiệp		I	I	M	P	I	I	M
21	076193	Quản trị đàm phán		P		M	I	M	P	
22	073935	Quản trị quan hệ khách hàng	I	P		M	I	M	P	I
23	076191	Quản trị rủi ro và sự thay đổi	P	I		M		I	I	I
24	076807	Tiếng Anh chuyên ngành		I		I		M	I	I
25	076813	Chuyên đề: Phân tích hoạt động của Doanh nghiệp	P	P	I	P	I	P	I	I
26	076814	Seminar về các Xu hướng quản trị trong bối cảnh thương mại xuyên biên giới	P	P	I	I	I	P	I	I
27	076812	Đề án	M	M	M	M	M	M	M	P

29. Chương trình phân bổ theo học kỳ

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
HỌC KỲ 1								

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
Học phần bắt buộc			12					
1	073318	Triết học	3	45	0	105	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, tiểu luận, tự luận
2	076790	Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	3	45	0	105	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Quiz, Thuyết trình, Tiểu luận
3	076182	Quản trị Marketing	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tự luận
4	076183	Quản trị vận hành	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận, thực hành	Thuyết trình, Tiểu luận
5	076196	Quản trị nguồn nhân lực	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
HỌC KỲ 2								
Học phần bắt buộc			12					
1	073925	Phương pháp NC trong KD	3	30	30	90	Thuyết giảng, thực hành, bài tập	Thuyết trình, Tiểu luận
2	076806	Tài chính cho nhà quản trị	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận, thực hành	Thuyết trình, Tiểu luận
3	076185	Quản trị chiến lược	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
4	076186	Lãnh đạo	3	45	0	105	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
5	076188	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thực hành	Bài tập, Thuyết trình, Tự luận
Học phần tự chọn			0-6					
1	076187	Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề	2	30	0	70	Phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
2	076807	Tiếng Anh chuyên ngành	2	15	30	55	Tương tác, bốn kỹ năng	Thuyết trình, Tự luận
3	076250	Quản trị các tổ chức công	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Quiz, Thuyết trình, Tự luận
4	076808	Quản trị dự án đầu tư	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thực hành	Thuyết trình, Tự luận

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
HỌC KỲ 3								
Học phần bắt buộc			12					
1	076192	Kinh doanh số	2	30	0	70	Thuyết giảng, thực hành, phân tích tình huống	Bài phân tích tình huống, Tiểu luận
2	073944	Truyền thông Marketing tích hợp	2	15	30	55	Thuyết giảng, thực hành, phân tích tình huống	Quiz, Thuyết trình, Tiểu luận
3	076191	Quản trị rủi ro và sự thay đổi	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
4	076809	Quản trị Kinh doanh quốc tế	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
5	076789	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2	15	30	55	Thuyết giảng, phân tích tình huống, bài tập thực hành	Thuyết trình, Tự luận
6	076810	Hành vi tổ chức	2	30	0	70	Thuyết giảng, thực hành, phân tích tình huống	Thuyết trình, Tiểu luận
Học phần tự chọn			0-6					
1	073935	Quản trị quan hệ khách hàng	2	15	30	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, bài tập thực hành	Bài tập, Thuyết trình, Tự luận
2	076193	Quản trị đàm phán	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, đóng vai	Thuyết trình, Tự luận
3	076190	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
4	076249	Nhà nước và pháp luật Việt Nam đương đại	2	30	0	70	Thuyết giảng, thuyết trình, thảo luận, bài tập	Thuyết trình, Tiểu luận
HỌC KỲ 4								
Học phần bắt buộc			18					
1	076813	Chuyên đề: Phân tích hoạt động của Doanh nghiệp	5	0	150	100	Phân tích tình huống, thuyết trình	Báo cáo (bài báo kỹ yếu cấp khoa trở lên)
2	076814	Seminar về các Xu hướng quản trị trong bối cảnh thương mại xuyên biên giới	4		120	80	Phân tích tình huống, thảo luận	Phân tích tình huống (hoặc bài báo kỹ yếu cấp khoa trở lên)
2	076812	Đề án tốt nghiệp	9	0	270	180	Giải quyết vấn đề nghiên cứu thực tiễn	Đánh giá đề án trước hội đồng

30. Lộ trình học tập

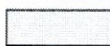
SƠ ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Học kỳ 1	Triết học (3TC)	Quản trị Marketing (2TC)	Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (3TC)	Quản trị nguồn nhân lực (2TC)	Quản trị vận hành (2TC)	
Học kỳ 2	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (3TC)	Tài chính cho nhà Quản trị (2TC)	Quản trị chiến lược (2TC)	Lãnh đạo (3TC)	Hệ thống thông tin quản lý (2TC)	Tự chọn tối đa 06 tín chỉ Tự chọn (0-6 TC): - Tư duy phân tích & giải quyết vấn đề (2TC) - Quản trị các tổ chức công* (2TC) - Tiếng Anh chuyên ngành (2TC) - Quản trị dự án đầu tư (2TC)
Học kỳ 3	Kinh doanh số (2TC)	Truyền thông Marketing tích hợp (2TC)	Quản trị rủi ro và sự thay đổi (2TC)	Quản trị Kinh doanh quốc tế (2TC)	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu (2TC)	Tự chọn (0-6TC): - Quản trị quan hệ khách hàng (2TC) - Quản trị đàm phán (2TC) - Sáng tạo và khởi nghiệp (2TC) - NN và PLVN đương đại* (2TC)
Học kỳ 4	Chuyên đề: Phân tích hoạt động của doanh nghiệp (5TC)		Seminar: Xu hướng quản trị trong bối cảnh thương mại xuyên biên giới (4TC)		Đề án (9TC)	

Ghi chú:



Các môn đại cương và Khoa học cơ bản



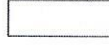
Các môn cơ sở ngành



Các môn tốt nghiệp



Các môn cốt lõi ngành



Các môn tự chọn

31. Cơ chế theo dõi và đánh giá quá trình đạt PLOs của học viên

Cơ chế kiểm soát việc đạt được chuẩn đầu ra PLO của học viên được thực hiện thường xuyên trong quá trình học tập, thông qua quá trình:

- Các PLOs của CTĐT sẽ chuyển thành các chuẩn đầu ra của các học phần CLOs.
- Các CLOs của sẽ thực hiện thông qua tổ hợp các PPGD và PPHT từng tuần, từng bài học của HP.
- Các PP KTĐG tiến trình và định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ) được thực hiện phù hợp để đo lường từng chuẩn đầu ra của các học phần CLOs
- Thông qua việc tổng kết mức độ hoàn thành của theo rubric từng bài KTĐG sẽ đo lường, đánh giá được việc đạt được các PLOs của HV.

IV. ĐIỀU KIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

32. Môi trường học tập của nhà trường và khoa

- Phòng lab và chương trình sử dụng có liên quan đến chương trình:
 - + Phòng máy tính thực hành – thư viện cơ sở An Phú Đông
 - + Phần mềm SPSS, AMOS SEM, PLS SEM
 - + Phần mềm Turnitin của Trường
- Các hoạt động thực tập, chuyên đề tốt nghiệp ... của chương trình:
 - + Chương trình kiến tập tại các cơ quan, tổ chức có hoạt động liên quan học phần.
 - + Các chuyên đề tốt nghiệp

- + Các Seminar theo các chủ đề quản trị được các nhà quản lý cấp cao trình bày

33. Hệ thống hỗ trợ học viên

- Đào tạo: Viện đào tạo sau Đại học phối hợp với Khoa QTKD tổ chức xây dựng chương trình đào tạo và triển khai kế hoạch giảng dạy theo từng học kỳ. Học viên có thể liên hệ Khoa và Viện để được giải quyết các vấn đề học vụ.

- Hỗ trợ về tài chính và học bổng: Chính sách hỗ trợ tuyển sinh năm 2022 cho các đối tượng được nhà trường ban hành theo thông báo số 291/TB-NTT, ngày 16/11/2021 cho các đối tượng như: GV-CBNV nhà trường, cựu sinh viên NTTU, thầy cô các trường THPT,...

- Giới thiệu cơ hội thăng tiến và khởi nghiệp: Khoa liên kết đào tạo với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, giúp học viên có cơ hội được rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết theo nội dung mỗi học phần.

- Tư vấn học thuật: Cung cấp thông tin về CTĐT, đề cương chi tiết học phần, quy chế đào tạo; Hỗ trợ đăng ký học phần, cung cấp thời khóa biểu, lịch thi; Lưu trữ, quản lý và bảo mật kết quả học tập của học viên và cung cấp bảng điểm; Tư vấn cho học viên về việc học, định hướng nghề nghiệp, các vấn đề và khó khăn trong cuộc sống; Hướng dẫn học viên liên hệ các đơn vị chức năng để giải quyết các vấn đề liên quan.

- Chăm sóc sức khỏe và đời sống: Tổ y tế nhà trường tại các cơ sở luôn sẵn sàng hỗ trợ người học có nhu cầu.

- Các dịch vụ thư viện: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành có 03 Thư viện đặt tại 3 cơ sở của Trường; không gian Thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của học viên như phòng học nhóm, khu tự học, phòng hội thảo, phòng tra cứu thông tin, phòng tạp chí chuyên ngành, kho tài liệu, phòng tập gym,...

- + Tài liệu in: sách tham khảo, giáo trình, tạp chí chuyên ngành và tài liệu tham khảo khác.
- + Tài liệu online: Các cơ sở dữ liệu quốc tế như ProQuest Central, Springer Link, IEEE Xplore, ScienceDirect, IG Publishing, Credo Reference, SAGE e-Journals Collection, Emerald e-Journals Collection,... Các cơ sở dữ liệu và liên kết mạng lưới thư viện trong nước: cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ quốc gia Việt Nam, Mạng lưới thông tin khoa học công nghệ Tp.HCM, Thư viện pháp luật Việt Nam...

V. ĐIỀU CHỈNH VÀ CẬP NHẬT

34. Ngày ban hành bản mô tả chương trình

35. Ngày cập nhật cuối cùng

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Xuân Nhĩ

Phụ lục I

(1) Triết học (3TC)

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc bao gồm vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử; các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

(2) Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (3TC)

Học phần cung cấp các kiến thức của phương pháp nghiên cứu khoa học kinh doanh, cụ thể: Hướng dẫn, đào tạo cho học viên các kỹ năng xác định vấn đề nghiên cứu; khảo sát và thu thập thông tin; xử lý dữ liệu bằng các phương pháp phù hợp bằng ứng dụng các phần mềm thống kê; Huấn luyện học viên phương pháp và kỹ năng phân tích tổng hợp nhằm đề xuất giải pháp cho vấn đề cần nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu; Tích hợp rèn luyện các kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và đạo đức trong nghiên cứu.

(3) Quản trị Chiến lược (2TC)

Quản trị chiến lược xem xét và phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiệp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp như: những khái niệm về chiến lược và quản trị chiến lược các mô hình quản trị chiến lược, ứng dụng nguyên lý và chức năng quản trị vào chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh) thay đổi chiến lược doanh nghiệp phù hợp dưới những điều kiện môi trường, xu hướng phát triển thị trường và nguồn lực của doanh nghiệp.

(4) Quản trị Marketing (2TC)

Môn học nhằm trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về quản trị marketing, bao gồm việc phân tích các nguyên lý, giá trị, mục đích của quản trị marketing trong kinh doanh; nền tảng và các triết lý quan trọng của marketing trong các mô hình kinh doanh hiện đại. Đồng thời phát triển tư duy và kỹ năng thực tiễn quản trị Marketing, cũng như luận bàn các phương pháp, các kỹ thuật quản lý, kiểm soát marketing để người học có được kiến thức và kỹ năng nâng cao về quản trị marketing hiện đại.

(5) Quản trị Nguồn nhân lực (2TC)

Quản trị nguồn nhân lực cung cấp cho học viên kiến thức về sự phát triển và kỹ năng nâng cao trong xây dựng chiến lược quản trị nguồn nhân lực; đặc điểm, nguyên tắc & vai trò, yêu cầu đối người quản lý trong công tác quản trị nhân lực trong các bộ phận/đơn vị trong thời đại mới; vai trò, nhiệm vụ, qui trình & kỹ thuật phỏng vấn tuyển dụng nhân viên mới; mục tiêu, nguyên tắc, nội dung bố trí, sử dụng nhân lực; đánh giá đội ngũ và quyết định của người quản lý; đào tạo và phát triển nhân viên; cơ chế và kỹ năng tạo động lực, động viên.

(6) Tài chính cho nhà Quản trị (2TC)

Môn học giúp học viên thao tác được các kỹ năng quản trị tài chính, bao gồm phân tích tài chính báo cáo tài chính, sử dụng lá chắn thuế, quản trị phải thu, tồn kho, phân tích rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính, kiểm soát chi phí, quyết định mua tài sản.

(7) Lãnh đạo - Leadership (3TC)

Nghệ thuật lãnh đạo cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghệ thuật lãnh đạo như: Vai trò và trách nhiệm của người lãnh đạo, các phong cách lãnh đạo theo quyền lực, các phong cách lãnh đạo theo tình huống, bản lĩnh của một nhà lãnh đạo và các kỹ năng lãnh đạo.

(8) Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (3TC)

Khóa học cung cấp một khung khái niệm, phân tích và thảo luận về các vấn đề xung quanh mối quan hệ kinh doanh và trách nhiệm xã hội. Cấu trúc, chương và tình huống môn học xác định và thu hút các chủ đề chính liên quan đến việc phát triển sự hiểu biết sâu rộng về kinh doanh và xã hội, hoặc kinh doanh trong xã hội. Môn học cũng cung cấp một cơ sở vững chắc cho học viên học hỏi, suy ngẫm và phân tích chu đáo về các vấn đề trong nước và toàn cầu mà các doanh nghiệp đang phải đối mặt ngày nay.

(9) Kinh doanh số (2TC)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh doanh điện tử, hệ thống kinh doanh điện tử, chiến lược kinh doanh và marketing điện tử, các mô hình kinh doanh điện tử, kiến trúc kinh doanh điện tử, cơ sở hạ tầng cho kinh doanh điện tử, quản lý chuỗi cung ứng, kế hoạch thực hiện kinh doanh điện tử. Bên cạnh đó thông qua các bài tập tình huống sẽ giúp cho người học có được những kỹ năng về phân tích vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh điện tử của tổ chức.

(10) Hệ thống thông tin quản lý (2TC)

Môn học cung cấp cho sinh viên cao học những kiến thức chung về ứng dụng công nghệ thông tin, và nâng cao về các hệ thống thông tin quản lý (HTTTQL) trong tổ chức và doanh nghiệp. Môn học còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình phân tích và thiết kế hệ thống, quản lý hệ thống thông tin, kiến thức về chính phủ điện tử và các mô hình kinh doanh trên nền tảng số. Ngoài ra, môn học cũng phân tích về phương pháp đánh giá, phát triển hệ thống thông tin và một số vấn đề quản trị hệ thống thông tin trong giai đoạn của cuộc cách mạng số và nền kinh tế tri thức.

(11) Truyền thông Marketing tích hợp (2TC)

Truyền thông Marketing tích hợp cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị truyền thông tích hợp, bao gồm: Phân tích các nguyên tắc quản trị truyền thông tích hợp, quá trình truyền thông tích hợp, quá trình ra quyết định tiêu dùng, phân khúc thị trường và định vị; Lập kế hoạch truyền thông marketing tích hợp và đo lường hiệu quả truyền thông; Lựa chọn tổ hợp các phương tiện truyền thông bao gồm: chiêu thị, bán hàng cá nhân, khuyến mãi, quan hệ cộng đồng, sự kiện, quảng cáo và truyền thông mạng xã hội để quyết định triển khai.

(12) Hành vi tổ chức (2TC)

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về hành vi của cá nhân trong nhóm, hành vi nhóm trong tổ chức, hệ thống của tổ chức. Học phần này cũng giúp cho học viên có thể biết các yếu tố tác động đến các hành vi của cá nhân trong tổ chức như năng suất, tỉ lệ vắng mặt, mức chuyển đổi và sự hài lòng trong công việc, các cách thức tương tác và vận hành của nhóm và tổ chức. Đối với nhân viên, thông qua môn học sẽ hiểu rõ bản thân mình hơn, hiểu rõ những kỳ vọng của nhà quản lý đối với mình hơn để có những điều chỉnh thích hợp. Học viên sẽ nhận thức và nắm bắt sự khác biệt của cá nhân, các vấn đề và cơ hội trong việc quản lý nguồn nhân lực và từ đó thực hiện các sáng kiến đa dạng, đóng góp vào hiệu quả tổ chức.

(13) Quản trị Vận hành (2TC)

Môn học nhằm trang bị cho học viên các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị vận hành một doanh nghiệp hay tổ chức như các hoạt động tạo ra sản phẩm vật chất cũng như sản phẩm dịch vụ, bao gồm từ khâu dự báo, hoạch định công suất, định vị công ty, điều độ tác nghiệp, sản xuất tinh gọn nhằm tổ chức quản trị doanh nghiệp hợp lý và hiệu quả. Môn học cũng trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng vận dụng vào quản lý chất lượng trong đơn vị sản xuất hay dịch vụ như các công cụ thống kê trong quản trị vận hành, các công cụ cốt lõi của IATF 16949, các công cụ 5S, JIT, TPM, hệ thống quản lý chất lượng... nhằm quản lý và cải tiến chất lượng sản phẩm và hoạt động hiệu quả hơn, nhanh chóng bắt nhịp với sự phát triển kinh tế xã hội.

(14) Quản trị dự án đầu tư (2TC)

Môn học giúp học viên thao tác được các kỹ năng công việc trong quá trình hình thành và phát triển ý tưởng dự án để đưa vào vận hành khai thác. Thiết lập và thẩm định dự án trên các khía cạnh pháp lý, vị trí, thị trường, kỹ thuật-công nghệ, quản lý nguồn nhân lực, phân tích tài chính, rủi ro. Thiết kế được mô hình tổ chức quản lý dự án; thực hiện được việc hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và kết thúc dự án.

(15) Quản trị Kinh doanh Quốc tế (2TC)

Môn học Quản trị Kinh doanh quốc tế trình bày các kiến thức nâng cao về kinh doanh quốc tế và toàn cầu hóa: các hoạt động thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế trong môi trường kinh doanh quốc tế, môi trường kinh tế chính trị, môi trường văn hóa quốc tế, môi trường tài chính - tiền tệ quốc tế có nhiều biến động, các chiến lược kinh doanh quốc tế hiện đại và các hoạt động kinh doanh quốc tế trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số toàn cầu.

(16) Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu (2TC)

Môn học nhằm trang bị cho học viên cao học những kiến thức sâu về quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm việc phân tích các nguyên lý, định nghĩa, giá trị, mục đích của chuỗi cung ứng với góc nhìn toàn cầu, có tương tác với các ngành khác như quản trị chiến lược, marketing, hành vi, công nghệ thông tin hiện đại. Đồng thời môn học cung cấp các phương pháp, các kỹ thuật quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu để người học có được kiến thức nâng cao về chuỗi giá trị hiện đại.

(17) Quản trị các tổ chức công (2TC)

Môn học Quản lý công nhằm trang bị cho học viên cao học những kiến thức về kinh tế học thuộc khu vực công cộng như vấn đề về tính hiệu quả của việc điều hành trực tiếp của Nhà nước, các cơ chế, chính sách tài chính mà Nhà nước có thể điều tiết nhằm bảo đảm hiệu quả xã hội trong việc sản xuất hàng hóa, dịch vụ công cộng. Môn học trang bị các kiến thức và kỹ năng trong các hoạt động thuộc các lĩnh vực: Xây dựng, hoàn thiện, thực hiện và duy trì hệ thống hành chính của quốc gia một cách có hiệu quả; - Các hoạt động dưới dạng các chính sách của chính phủ, như các chính sách về thuế, phạt tiền, trợ cấp, hệ thống các quy định về tiêu chuẩn...; - Các hoạt động về cung ứng dịch vụ, sản xuất hàng hóa công cộng. Ngoài ra môn học còn đặt ra các vấn đề về sự lựa chọn công cộng, cũng như các giải pháp mang lại lợi ích chung của cộng đồng.

(18) Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại (2TC)

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về quá trình hình thành và hoàn thiện bộ máy Nhà nước và hệ thống pháp luật Việt Nam hiện đại. Đặc biệt học viên

nắm được những thành quả cũng như xác định những mục tiêu mang tính chiến lược cho việc tiếp tục hoàn thiện bộ máy Nhà nước theo định hướng kiến tạo phát triển và tư duy cách mạng trong hệ thống pháp luật Việt Nam trong giai đoạn mới.

(19) Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề (2TC)

Tư duy phản biện là môn học trang bị cho sinh viên cách đánh giá thông tin, lập luận và tự đưa ra lập luận dựa trên các nguồn ý kiến đa dạng, trái chiều. Đây là kỹ năng cơ bản, giúp học viên xử lý các thông tin, lập luận, nghiên cứu một cách chính xác không những trong nhà trường mà còn trong đời sống sau này. Trong suốt khóa học, học viên áp dụng lý thuyết giải quyết những vấn đề bản thân hoặc xã hội quan tâm nhất.

(20) Sáng tạo và khởi nghiệp (2TC)

Môn học được thiết kế nhằm nâng cao tinh thần khởi nghiệp cho học viên là doanh nhân hoặc có triển vọng gia nhập vào đội ngũ doanh nhân tương lai. Môn học giúp doanh nhân xác định được tinh thần khởi nghiệp và làm giàu chân chính; có năng lực khám phá được ý tưởng khởi nghiệp mới; Hiện thực hoá ý tưởng kinh doanh trong thực tiễn, cũng như quản trị thành công công ty khởi nghiệp, mở rộng, chuyển đổi phát triển doanh nghiệp bền vững.

(21) Quản trị đàm phán (2TC)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu để học viên biết đưa ra những giải pháp cân bằng lợi ích, tìm được tiếng nói chung giữa các bên nhằm đàm phán, thương lượng hiệu quả trong môi trường kinh doanh.

(22) Quản trị quan hệ khách hàng - CRM (2TC)

Môn học này trang bị cho người học các kiến thức chuyên sâu về quản trị quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng. Môn học cũng cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa Quản trị quan hệ khách hàng với Bán hàng và Marketing trong bối cảnh chuyển đổi số và môi trường trực tuyến. Ngoài ra, môn học còn cung cấp kỹ năng về tổ chức thực hiện hoạt động CRM đối với doanh nghiệp, thực hiện kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.

(23) Quản trị rủi ro và sự thay đổi (2TC)

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng về quản trị rủi ro, quản trị rủi ro chiến lược, môi trường văn hóa và những rủi ro, môi trường luật pháp - chính trị - kinh tế và các rủi ro, các rủi ro trong kinh doanh xuất nhập khẩu; các mô hình quản trị

sự thay đổi, các mô hình và lãnh đạo sự thay đổi, các rào cản đối với sự thay đổi để vận dụng vào hoạt động của tổ chức. Bên cạnh đó, môn học kết hợp nâng cao các kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm trong giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm... cho học viên.

(24) Tiếng Anh chuyên ngành (2TC)

This module consists of the first 8 chapters with a particular emphasis on the basic knowledge of business trends in diverse, global environments and business ownership. The module embarks with the introduction to fundamental, inter-related concepts in economics in this constantly changing world, followed by business ownership and entrepreneurship. Critical thinking skills, career skills and case study are integrated in each chapter in relation to clear-cut learning objectives.

(25) Chuyên đề: Phân tích hoạt động của Doanh nghiệp (5TC)

Phân tích doanh nghiệp giúp các nhà quản lý nắm được thực trạng của doanh nghiệp, dự đoán những rủi ro cũng như tiềm năng phát triển trong tương lai. Từ đó, nhà quản lý có thể đưa ra những chính sách, kế hoạch phù hợp góp phần giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động. Một số yếu tố quan trọng khi thực hiện phân tích: Các thông tin tổng quan về doanh nghiệp như hoạt động kinh doanh, đầu tư, quản trị doanh nghiệp, ưu và nhược điểm; Những đặc điểm trong ngành nghề, lĩnh vực mà doanh nghiệp đang hoạt động; Phân tích nhu cầu của sản phẩm, dịch vụ mà doanh nghiệp đang cung cấp; Phân tích chi phí, khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp; Đề cập các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động, mục tiêu đã đề ra; Nêu lên các chỉ số tài chính quan trọng và có sự so sánh theo thời gian cũng như với các đối thủ cạnh tranh; Phân tích tài chính bao gồm báo cáo tài chính; phân tích xu thế công nghệ, dịch vụ; phân tích bối cảnh và thị trường.

(26) Seminar về các Xu hướng quản trị trong bối cảnh thương mại xuyên biên giới (4TC)

Hội nhập kinh tế quốc tế cùng với xu hướng toàn cầu hóa, liên kết hóa làm cho các nền kinh tế ngày càng phụ thuộc lẫn nhau. Sự bùng nổ của các mô hình kinh doanh số trên cơ sở của công nghệ thông tin và nền tảng số đã trở thành động lực cho sự phát triển của hoạt động thương mại xuyên biên giới. Seminar về các xu hướng quản trị làm rõ sự phát triển của dịch vụ, thương mại, các hình thức đầu tư... xuyên biên giới và một số vấn đề liên quan tới các cách tiếp cận thực tiễn của các công ty đa quốc gia trong bối cảnh hiện nay.

(27) Đề án tốt nghiệp (9TC)

Nội dung của đề án phải gắn liền với việc nghiên cứu thực tiễn tại một tổ chức, hoặc một ngành trên một địa bàn cụ thể và phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Tập trung vào

việc phát hiện và giải quyết vấn đề trong thực tiễn kinh doanh. Nội dung xuất phát từ ý tưởng xây dựng hoặc cải tiến hiệu quả của một hệ thống kinh doanh, một phòng ban chức năng, hoặc của một đơn vị trên một hoặc nhiều tiêu chí cụ thể. Giá trị của đề tài đóng góp vào việc nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của quá trình vận hành trong hoạt động kinh doanh của tổ chức.

Phụ lục II

Bản mô tả môn học (đề cương chi tiết) của các môn học trong chương trình

Học viên xem tài khoản cá nhân trên trang web: phongdaotao.ntt.edu.vn